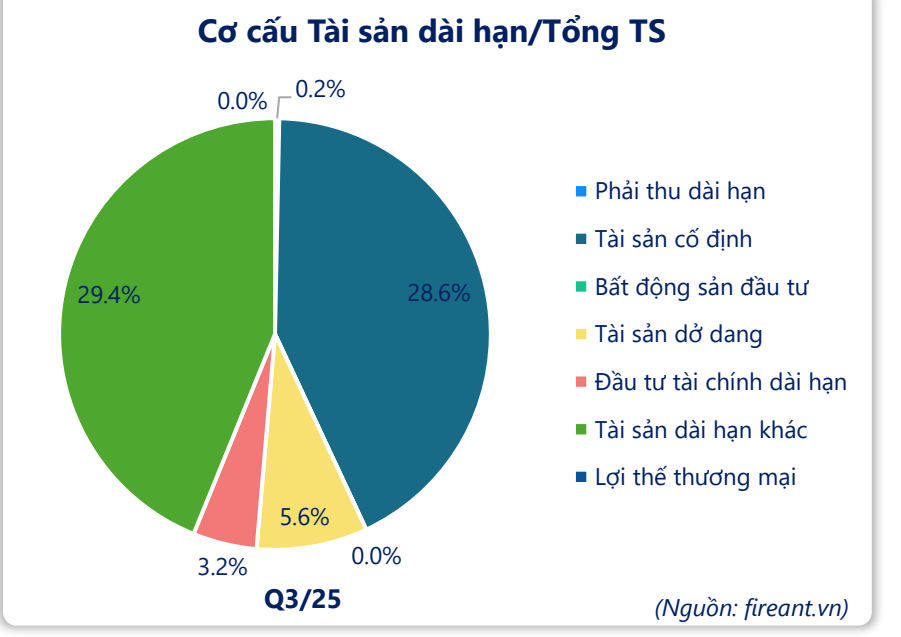
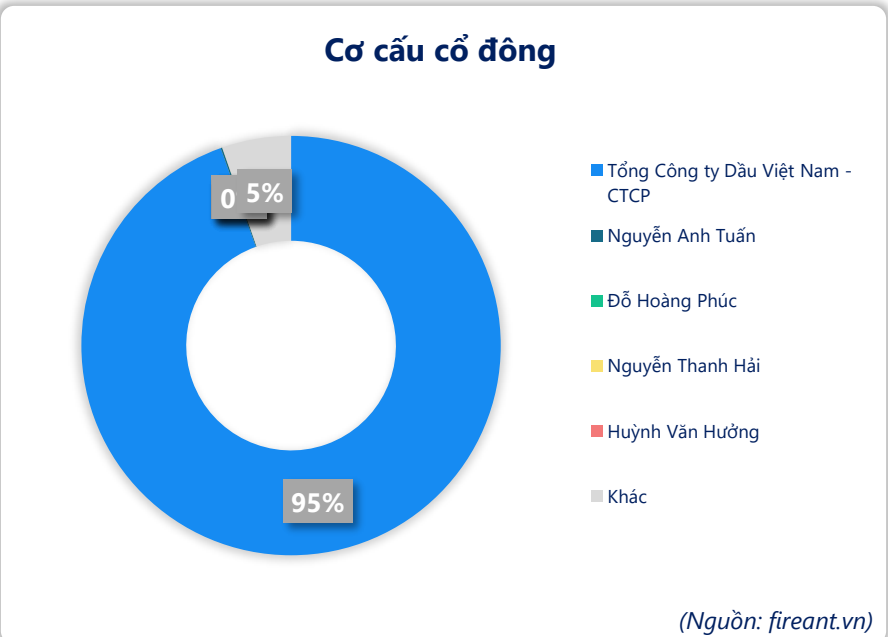
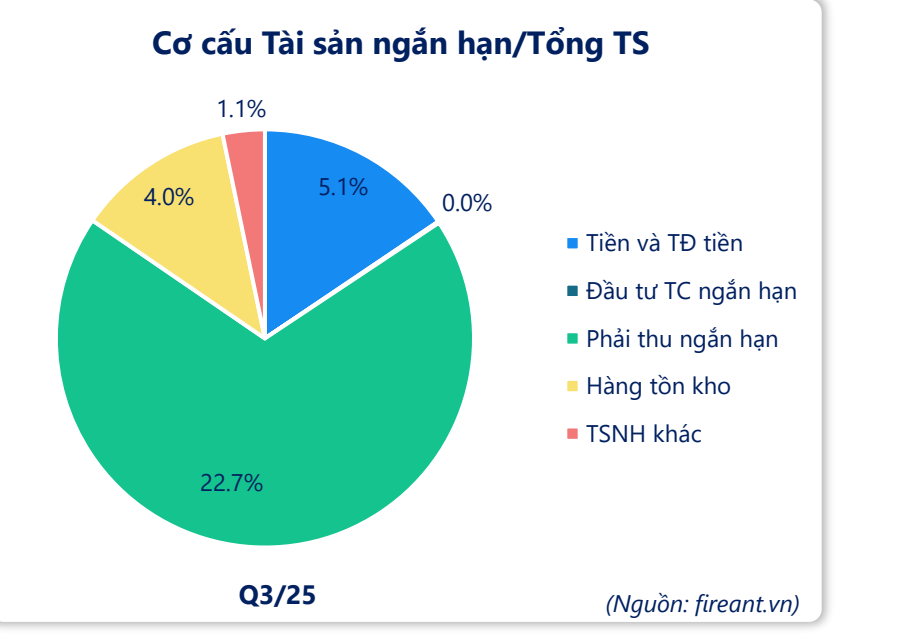
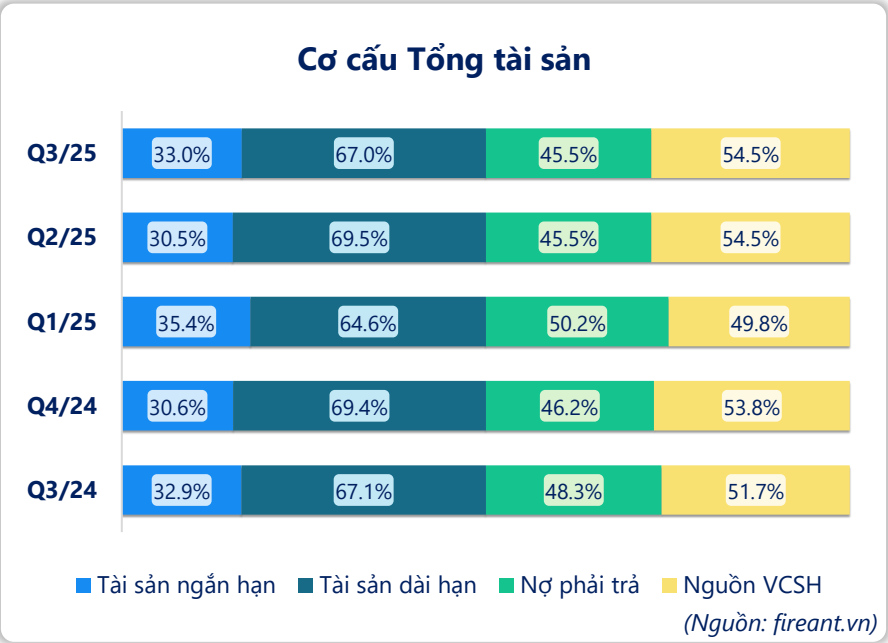
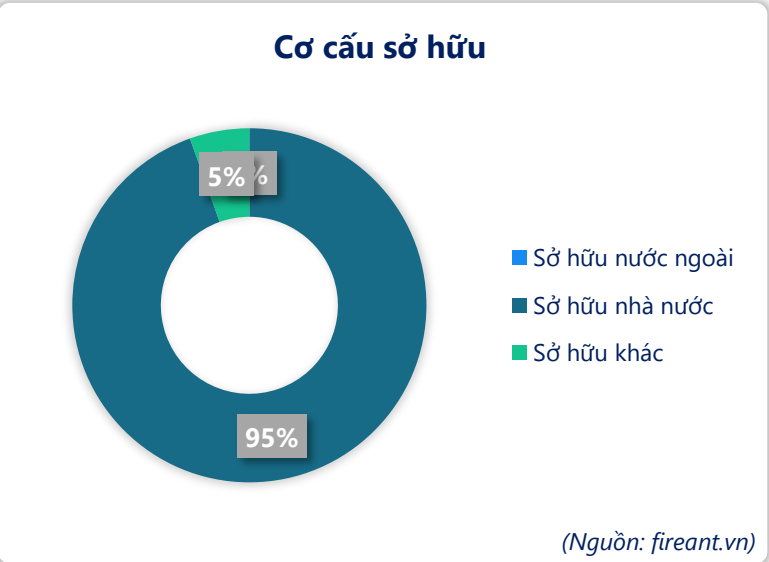
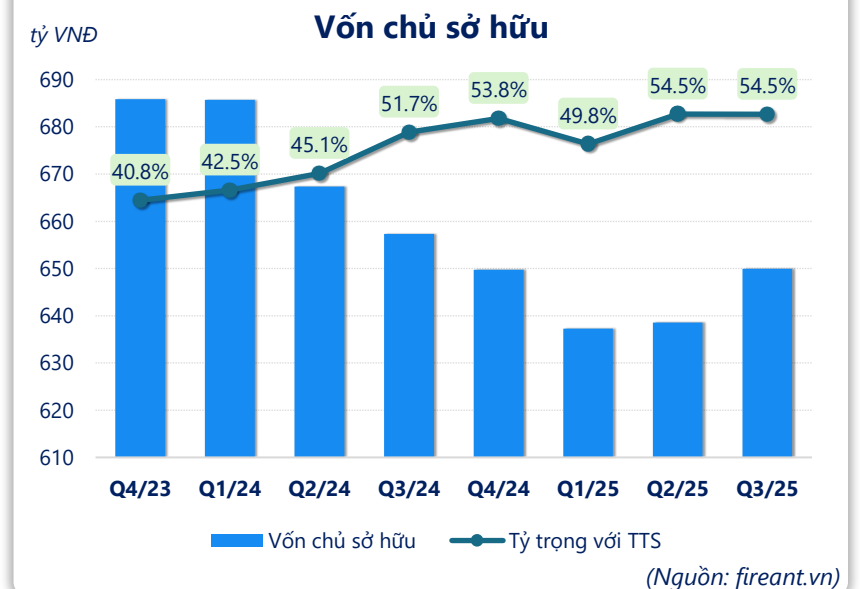
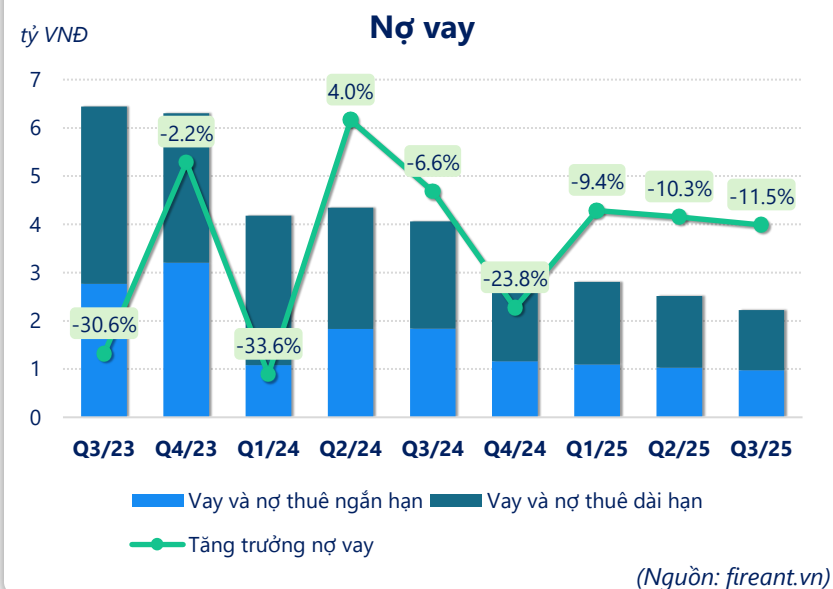
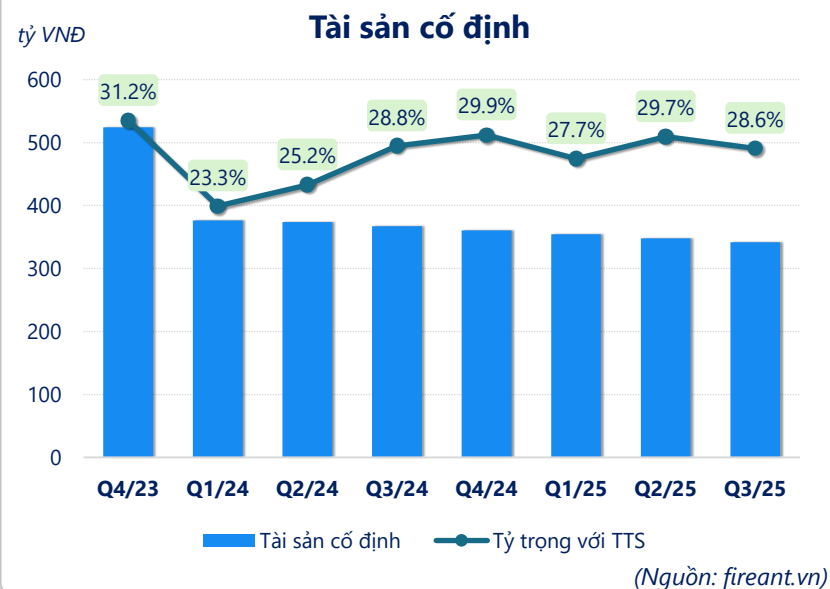
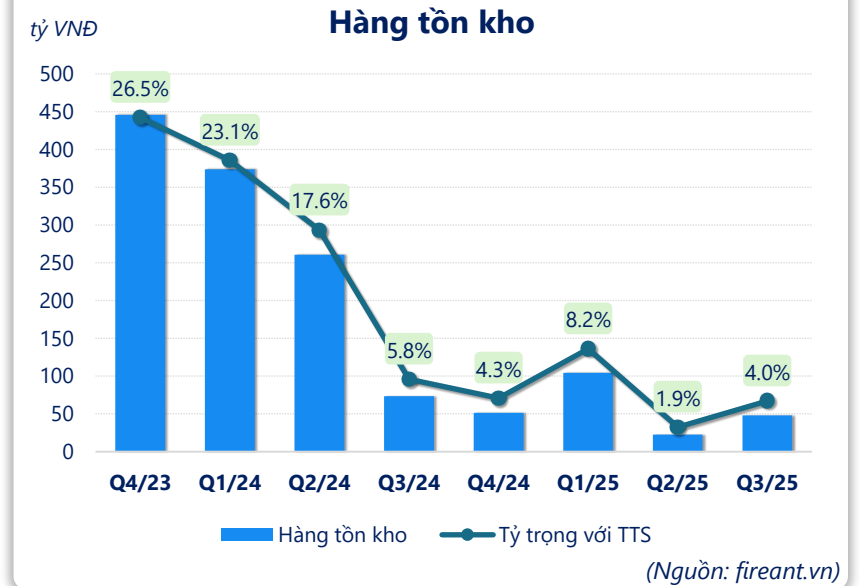
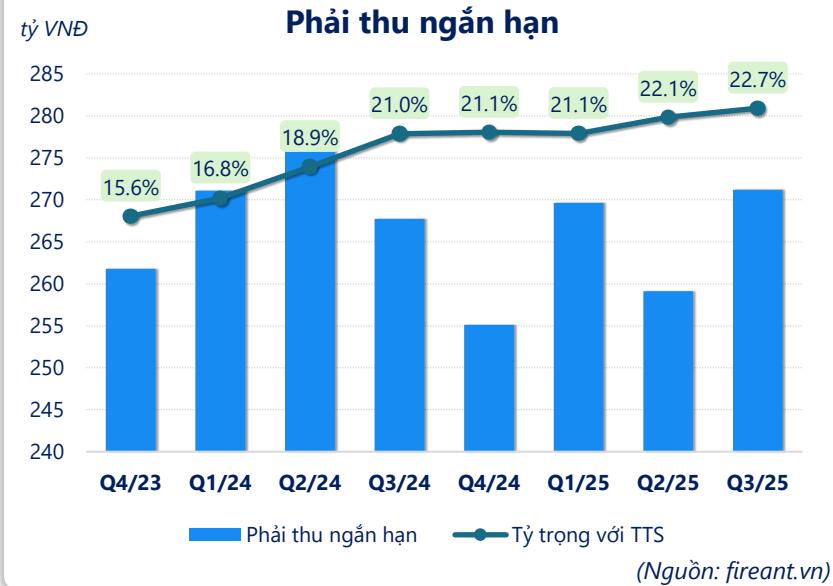
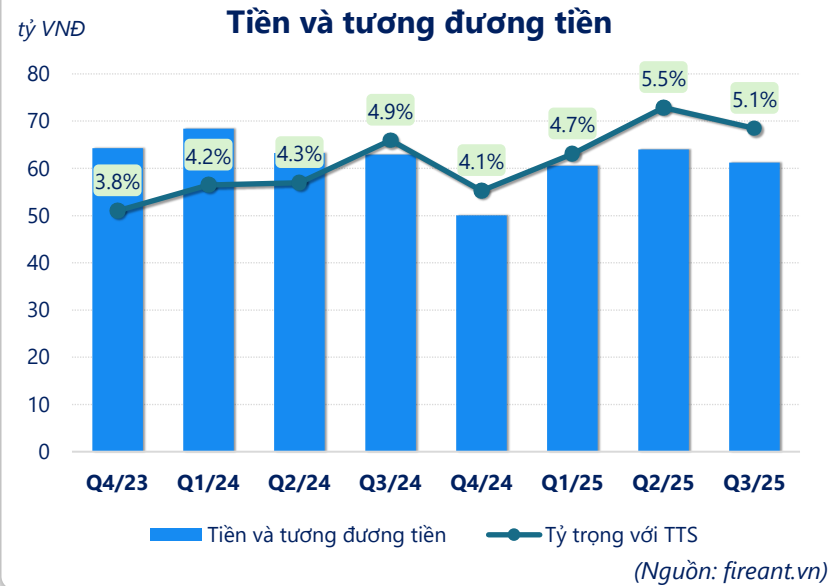
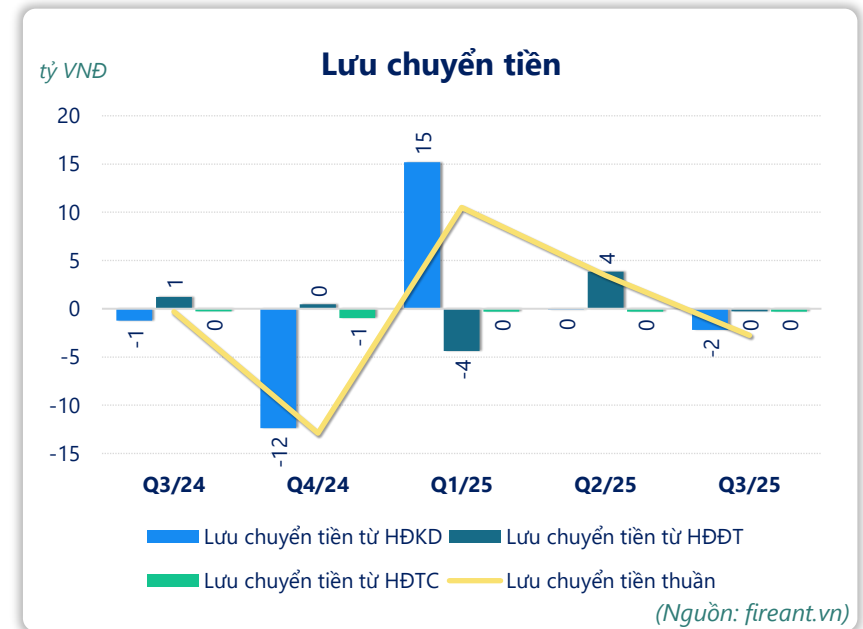
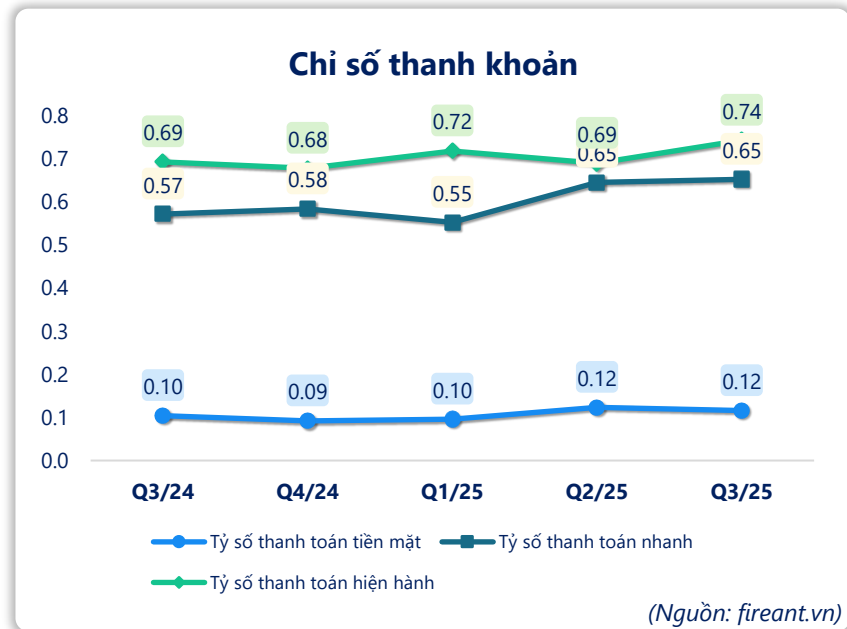
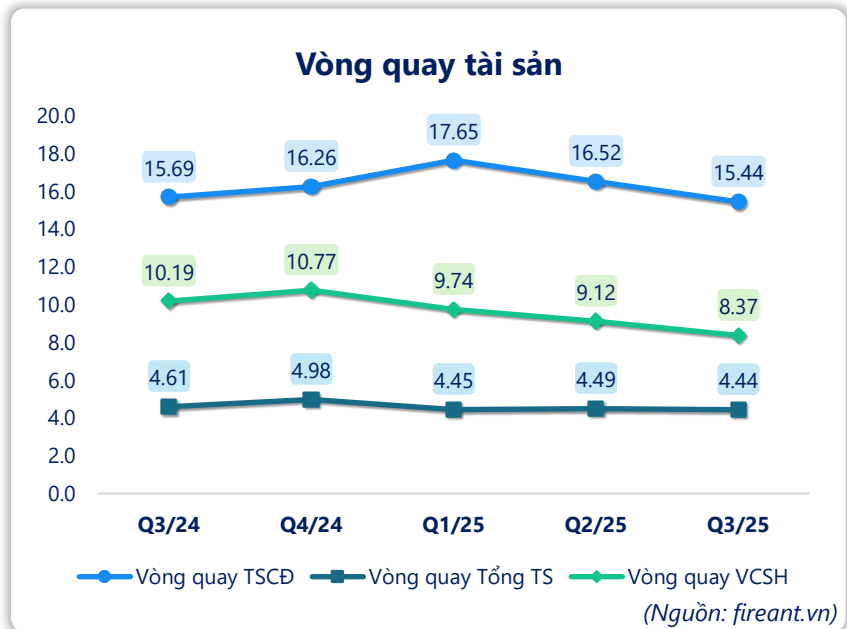
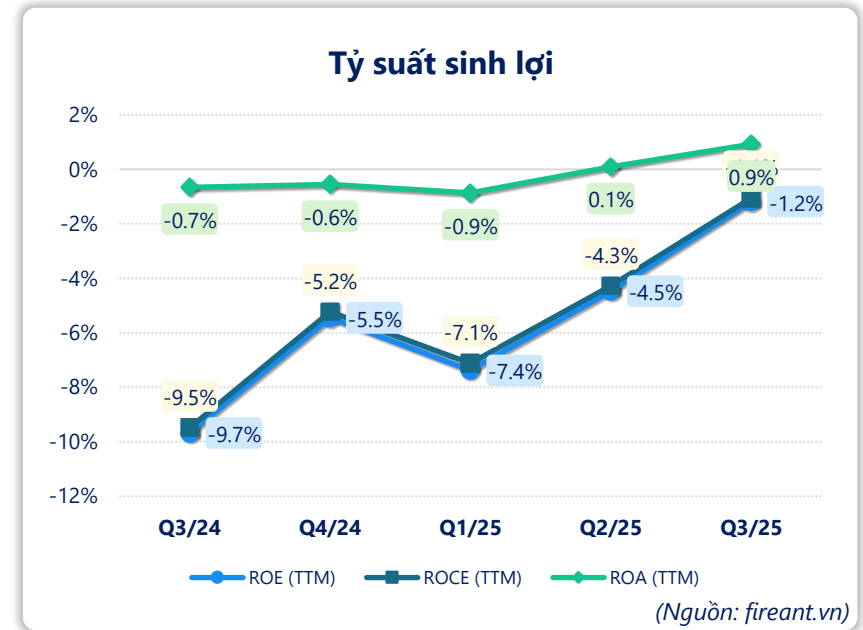
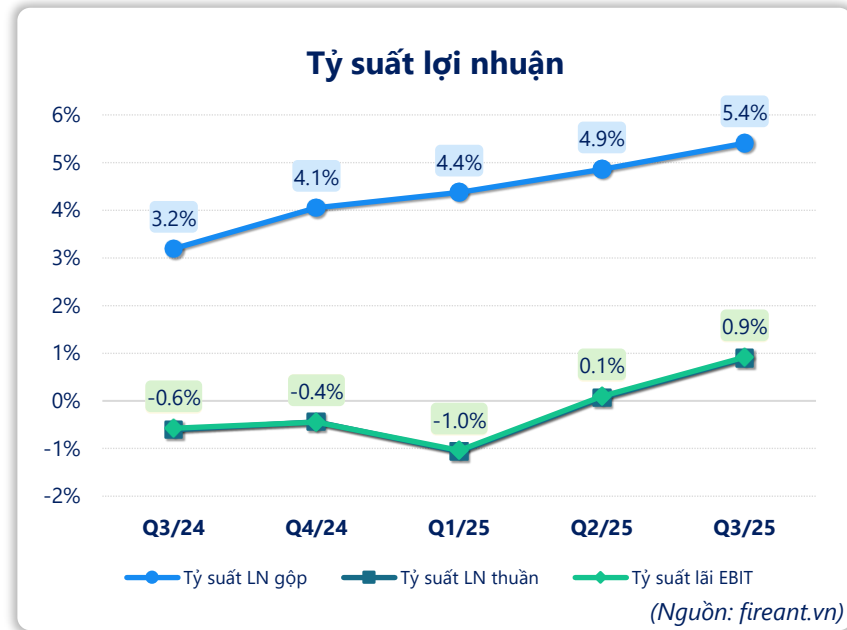
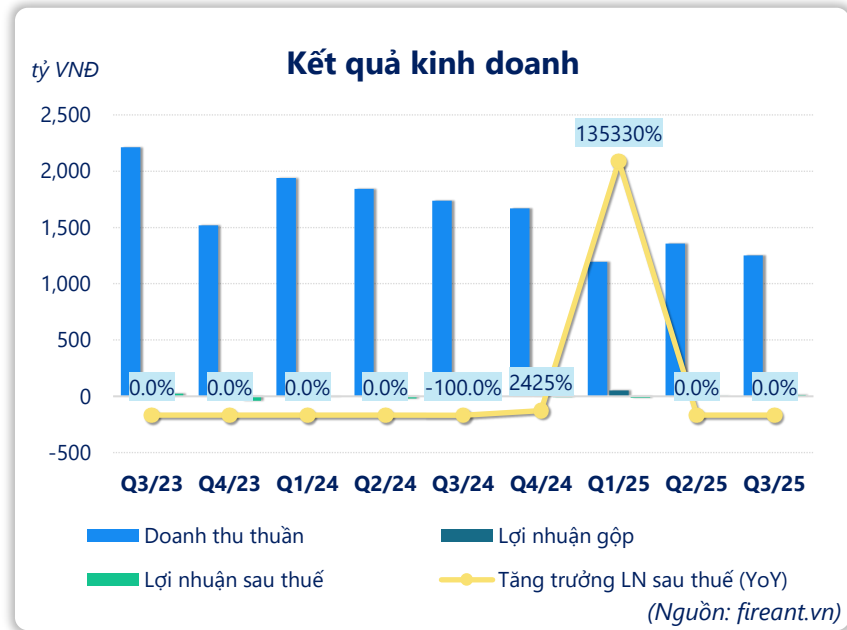


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,500
SL cổ phiếu LH		248,877,470
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,455
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		921
P/E		-118.9
EPS		-31

	YTD	1T	3T	6T
PEG	-53.2%	0.0%	-9.8%	-27.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,193	1,207	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	394	369	6.6%
Tiền và tương đương tiền	61.2	50.0	22.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.41	0.41	0.0%
Phải thu ngắn hạn	271	255	6.3%
Hàng tồn kho	48.0	51.4	-6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	12.8	12.3	4.2%
Tài sản dài hạn	799	838	-4.6%
Phải thu dài hạn	2.53	2.50	1.3%
Tài sản cố định	342	361	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	66.5	65.7	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	38.3	38.2	0.4%
Tài sản dài hạn khác	350	371	-5.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	543	557	-2.6%
Nợ ngắn hạn	530	544	-2.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.98	1.13	-13.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	454	455	-0.2%
Nợ dài hạn	13.3	13.0	2.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.25	1.97	-36.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	650	650	0.0%
Vốn chủ sở hữu	650	650	0.0%
Vốn điều lệ	2,489	2,489	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,738	1,668	1,196	1,355	1,253
Giá vốn hàng bán	1,683	1,600	1,144	1,290	1,185
Lợi nhuận gộp	55.5	67.6	52.3	65.9	67.7
Doanh thu HĐTC	1.60	1.06	0.30	0.70	1.32
Chi phí TC	0.15	0.01	0.06	0.40	0.05
Chi phí lãi vay	0.09	0.07	0.06	0.06	0.05
LN trong công ty LKLD	0	1.10	0.50	-0.03	0
Chi phí bán hàng	54.7	56.0	56.2	52.1	49.8
Chi phí QLDN	12.8	21.1	9.58	13.1	8.05
LN thuần từ HĐKD	-10.5	-7.35	-12.7	0.88	11.2
Lợi nhuận khác	0.48	-0.16	0.23	0.39	0.27
LN trước thuế	-10.0	-7.51	-12.5	1.27	11.4
Lợi nhuận sau thuế	-10.0	-7.61	-12.5	1.27	11.4
LNST của CĐ cty mẹ	-10.1	-7.94	-12.5	1.30	11.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.22	-12.4	15.2	-0.11	-2.20
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.21	0.45	-4.39	3.85	-0.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.29	-0.97	-0.29	-0.29	-0.29
Tiền đầu kỳ	63.2	62.9	50.0	60.5	64.0
Lưu chuyển tiền thuần	-0.30	-12.9	10.5	3.45	-2.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	62.9	50.0	60.5	64.0	61.2

(Nguồn: fireant.vn)